

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/DS-PT
Ngày 21-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định: Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1980; Bà Lê Thị U, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Xóm 34, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị U: Ông Trịnh Văn C; (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/10/2021).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967; Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Xóm 16, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Đ: Ông Nguyễn Văn L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L: ông Nguyễn Văn T.
Địa chỉ: Đ, N, Đ, Hà Nội (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2022).

Tại phiên tòa: Có mặt ông Nguyễn Văn T; vắng mặt ông Trịnh Văn C và bà Lê Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án phía nguyên đơn ông Trịnh Văn C trình bày: Ngày 27/10/2016 (âm lịch) ông có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Đ vay số tiền 250.000.000 đồng, hẹn ngày 27/10/2018 sẽ trả số tiền vay trên. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận với nhau, không thỏa thuận lãi suất. Quá trình vay ông L, bà Đ có trả lại cho vợ chồng ông số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 29/12/2018. Nên tính đến nay ông L, bà Đ còn nợ ông C 210.000.000 đồng. Trước đây trong đơn khởi kiện vợ chồng ông có yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà Đ ngoài trả số tiền gốc còn yêu cầu trả thêm số tiền lãi 75.600.000 đồng. Tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 28/12/2021 ông chỉ yêu cầu ông L, bà Đ trả số tiền nợ gốc 210.000.000 đồng, không yêu cầu trả số tiền lãi.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án phía bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ngày 27/10/2016 (âm lịch) vợ chồng ông có đến nhà ông C, bà U vay số tiền 250.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay tiền, mặc dù văn bản không ghi lãi suất. Tuy nhiên thực tế ông phải trả tiền lãi suất cho ông C là 6.000 đồng/1triệu, tính ra ông phải trả tổng là 15.000.000 đồng/tháng cho ông C cho tổng số tiền vay 250.000.000 đồng tiền gốc. Quá trình vay tiền ông đã trả cho ông C được hơn hai năm tiền lãi, sau đó do làm ăn kinh tế khó khăn ông không có khả năng thanh toán nên ông không thể tiếp tục trả số tiền lãi. Ông đã trả cho ông C số tiền 40.000.000 đồng tiền gốc. Do vậy ông xác nhận vợ chồng ông còn nợ vợ chồng ông C số tiền gốc là 210.000.000 đồng là đúng, và có nguyện vọng xin được trả dần số nợ trên mỗi tháng một ít cho đến khi trả hết nợ. Riêng đối với phần lãi suất ông C yêu cầu là 75.600.000 đồng ông không nhất trí trả vì trong hợp đồng vay không ghi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định đã quyết định.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn C, bà Lê Thị U.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông C, bà U số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 ông Nguyễn Văn L làm đơn kháng cáo với lý do: Ông không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L giữ nguyên đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L được làm trong thời hạn luật định, do vậy được HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử nhận thấy.

Vào ngày 27/10/2016 (âm lịch) ông Trịnh Văn C có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Đ vay số tiền 250.000.000 đồng, hẹn ngày 27/10/2018 sẽ trả số tiền vay trên. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận với nhau, không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 29/12/2018 ông L, bà Đ có trả lại cho vợ chồng ông C số tiền 40.000.000 đồng. Nên tính đến nay ông L, bà Đ còn nợ ông C 210.000.000 đồng. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông L có lời khai cho biết; trong giấy vay tiền không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên thực tế thì ông L phải trả ông C 15.000.000 đồng/01 tháng và ông L đã trả cho ông C 25 tháng lãi tương ứng với số tiền là 390.000.000 đồng. Nhưng ngoài lời khai ra ông L không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả tiền lãi suất cho vợ chồng ông C như đã nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, bà U. Buộc vợ chồng ông L và bà Đ phải trả cho vợ chồng ông C, bà U số tiền 210.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận cho nên ông Nguyễn Văn L phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn C, bà Lê Thị U.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông C, bà U số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ đi số tiền tạm ứng án là 300.000 đồng mà ông L đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003590, ngày 25 tháng 4 năm 2022, ông Nguyễn Văn L đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hà Nam